

**SỰ CHẤP NHẬN TIÊM VẮC XIN PHÒNG COVID-19 VÀ MỘT  
SỐ YẾU TỐ LIÊN QUAN CỦA SINH VIÊN KHỎI NGÀNH SỨC  
KHỎE TẠI VIỆT NAM NĂM 2021**

**NGUYỄN THỊ THANH NHIỆM**  
Trường Đại học Y tế công cộng

# NỘI DUNG CHÍNH

01

ĐẶT VẤN ĐỀ

02

MỤC TIÊU NGHIÊN CỨU

03

TỔNG QUAN

04

PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

05

KẾT QUẢ

06

KẾT LUẬN VÀ KHUYẾN NGHỊ

# ĐẶT VẤN ĐỀ

204.849.254

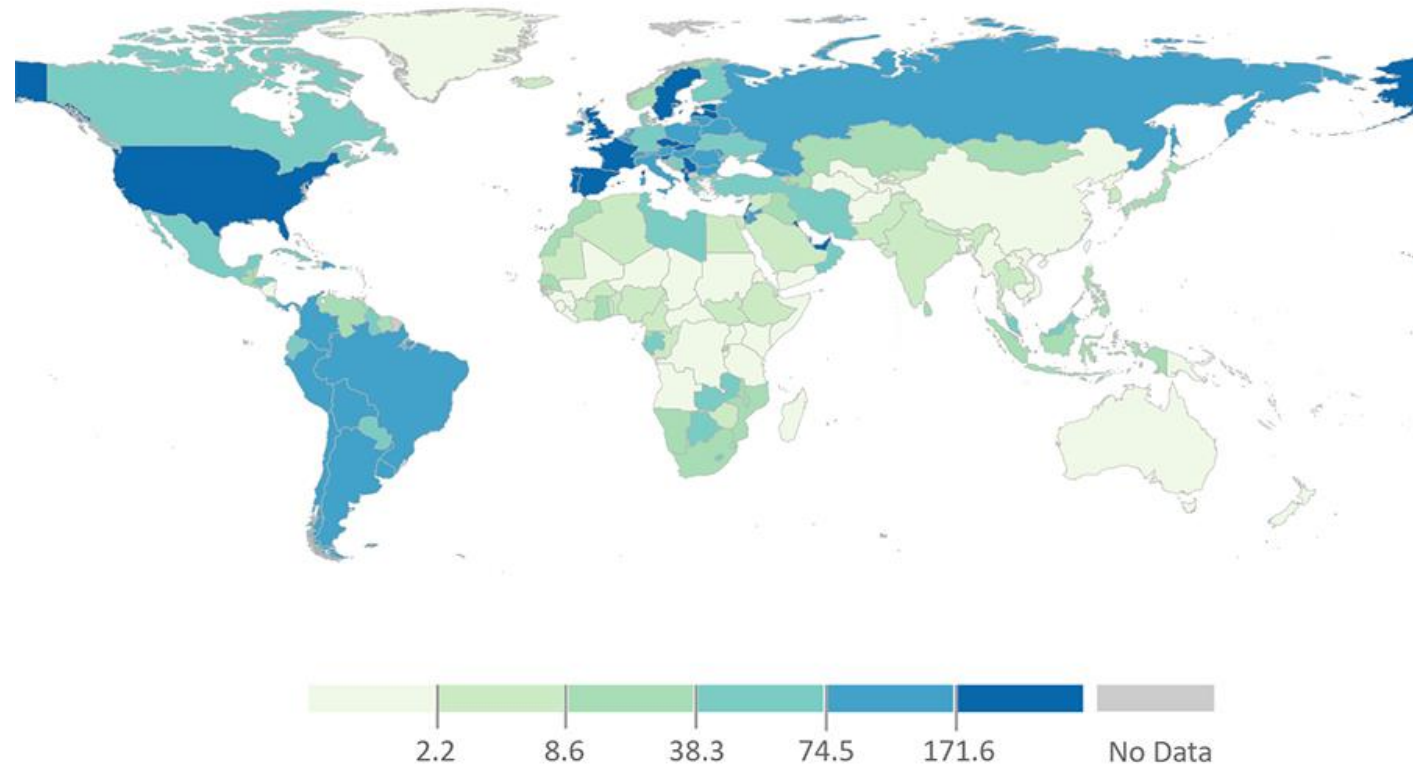
ca nhiễm

>4.000.000

ca tử vong

228

quốc gia và vùng lãnh thổ



# ĐẶT VẤN ĐỀ



- ❖ Vắc xin là một công cụ không thể thiếu trong cuộc chiến chống lại COVID-19.
- ❖ Tiêm vắc xin COVID-19 là biện pháp chủ động, hiệu quả nhất để phòng, chống dịch COVID-19.
- ❖ Các nghiên cứu gần đây đã khảo sát tỷ lệ chấp nhận vắc-xin COVID-19 và các yếu tố có liên quan đến khả năng chấp nhận vắc xin.

# MỤC TIÊU NGHIÊN CỨU

1

Mô tả sự chấp nhận tiêm vắc xin phòng COVID-19 của sinh viên hệ chính quy của một số trường đại học thuộc khối ngành sức khỏe tại Việt Nam năm 2021.

2

Xác định các yếu tố liên quan tới sự chấp nhận tiêm vắc xin phòng COVID-19 của sinh viên hệ chính quy của một số trường đại học thuộc khối ngành sức khỏe tại Việt Nam năm 2021

# TỔNG QUAN NGHIÊN CỨU



# TỔNG QUAN NGHIÊN CỨU

## 1. Một số khái niệm

01 COVID-19

COVID-19 là bệnh do một loại coronavirus mới có tên là SARS-CoV-2 gây ra.

02 Vắc xin

Là một sản phẩm kích thích hệ thống miễn dịch của một người tạo ra khả năng miễn dịch đối với một căn bệnh cụ thể, bảo vệ người đó khỏi căn bệnh đó.

03 Vắc xin COVID-19

Vắc xin COVID-19 là chủng loại vắc xin phòng viêm đường hô hấp cấp, giúp ngăn ngừa vi rút SARS-CoV-2.

04 Sự chấp nhận

Đây là hành động liên quan đến việc phê duyệt, chấp nhận hoặc nhận một cái gì đó một cách tự nguyện và không có sự phản đối

05 Sự chấp nhận vắc xin

Là quyết định của cá nhân hay một nhóm nhất định nào đó chấp nhận sử dụng vắc xin khi có cơ hội tiêm chủng

# TỔNG QUAN NGHIÊN CỨU

## 2. Thực trạng về sự chấp nhận tiêm vắc xin phòng ngừa COVID-19



**Sinh viên y khoa  
tại các trường  
đại học Tanta và  
Kafrelsheikh**

**35%** sinh viên  
chấp nhận tiêm  
vắc xin phòng  
ngừa COVID-19,  
**46%** do dự và  
**19%** từ chối.



**32 trường đại học  
ở Jordan**

**43,5%** sinh viên  
ngành Y (trong số  
**34,9%** sinh viên có  
ý định tiêm vắc xin  
bao gồm tất cả các  
ngành học) chấp  
nhận vắc xin  
COVID-19



**Sinh viên y khoa tại  
một trường đại học  
ở Đông Nam  
Michigan, Hoa Kỳ**

**53%** người tham gia  
đều có thái độ tích  
cực



# TỔNG QUAN NGHIÊN CỨU

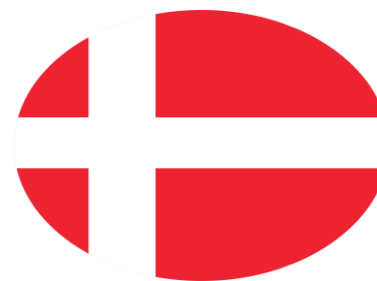
## 2. Thực trạng về sự chấp nhận tiêm vắc xin phòng ngừa COVID-19



Việt Nam



Trung Quốc



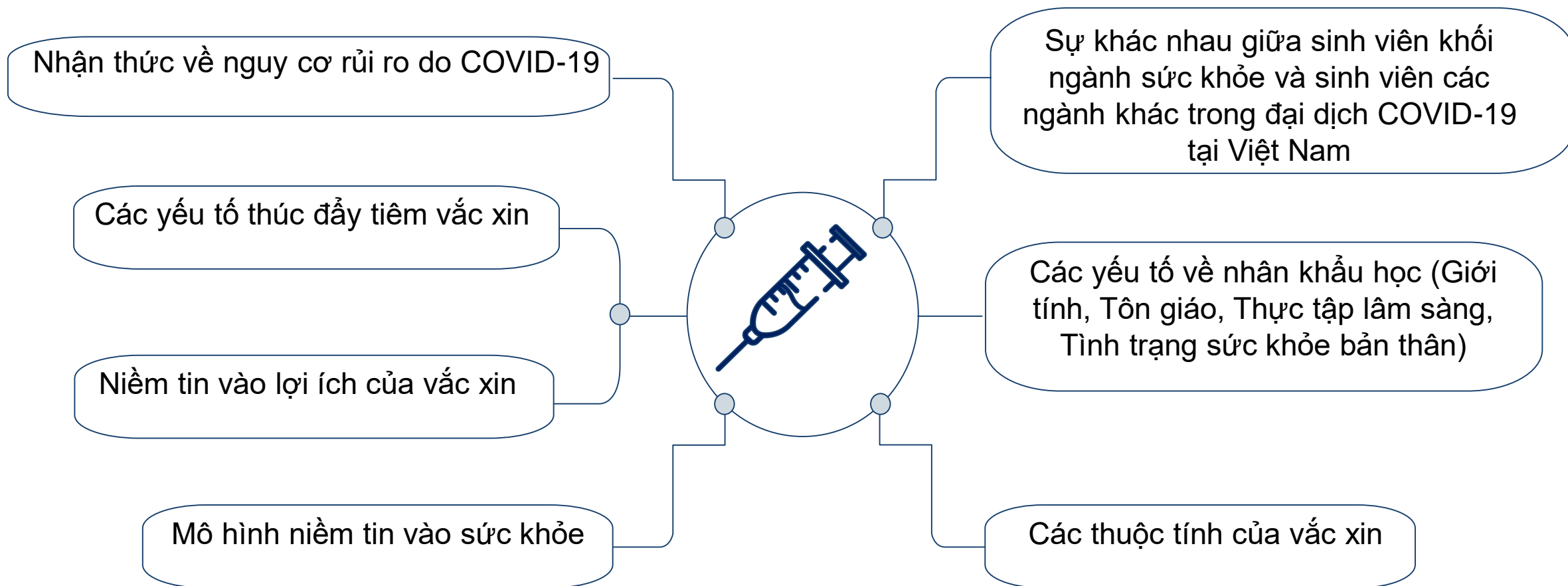
Đan Mạch

**3 quốc gia có mức độ chấp nhận vắc xin COVID-19 cao nhất**

**>90%**

# TỔNG QUAN NGHIÊN CỨU

## 5. Các yếu tố liên quan



# KHUNG LÝ THUYẾT

## Yếu tố cá nhân:

- Giới tính
- Dân tộc
- Tôn giáo
- Chuyên ngành
- Số năm học tập tại trường
- Tình trạng sức khỏe bản thân
- Tình trạng dị ứng

## Nhận thức rủi ro do COVID-19

- Tính nhạy cảm
- Mức độ nghiêm trọng
- Khả năng kiểm soát

Sự chấp nhận  
tiêm vắc xin  
phòng COVID-19

## Lợi ích

- Vắc xin làm giảm khả năng nhiễm vi rút
- Tiêm vắc xin làm giảm biến chứng của bệnh
- Vắc xin có tác dụng miễn dịch lâu dài

## Rào cản:

- Hiệu quả và tính an toàn của vắc xin
- Các tác dụng phụ sau tiêm
- Sợ tiêm
- Mối đe dọa của COVID-19 đã được phóng đại
- Tin tưởng vào các biện pháp khác hơn vắc xin
- Còn trẻ khỏe nên không cần tiêm
- Đã thực hiện các khuyến cáo khác nên không cần tiêm
- Trường phái “anti” vắc xin

## Các yếu tố thúc đẩy

- Tính an toàn và hiệu quả được kiểm chứng
- Vắc xin được sử dụng rộng rãi
- Khuyến cáo của bác sĩ đáng tin cậy
- Trường yêu cầu tiêm
- Vắc xin có tác dụng miễn dịch lâu dài

# III. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

# PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

## 1. Thiết kế nghiên cứu:

Nghiên cứu cắt ngang

## 2. Đối tượng nghiên cứu:

Sinh viên hệ chính quy các trường đại học thuộc khối ngành sức khỏe năm học 2020-2021.

## Tiêu chí lựa chọn:

- Sinh viên hệ chính quy của 6 trường đại học (ĐH Y tế Công Cộng, ĐH Y Dược Huế, Khoa Y Dược Đà Nẵng, ĐH Y Khoa Phạm Ngọc Thạch, ĐH Y dược TP. Hồ Chí Minh.

- Sinh viên chưa tiêm vắc xin phòng COVID-19.

## Tiêu chí loại trừ:

- Sinh viên không đồng ý tham gia nghiên cứu

# PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

## 3. Thời gian và địa điểm tiến hành nghiên cứu



Thời gian thu thập số liệu:

Từ ngày 25/05/2021 đến 07/08/2021



- Trường Đại học Y tế công cộng
- Trường Đại học Y Dược Thái Nguyên
- Trường Đại học Y Dược Huế
- Khoa Y Dược trường đại học Đà Nẵng
- Trường Đại học Y Dược TP. HCM
- Trường Đại học Y khoa Phạm Ngọc Thạch



# PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

## 4. Cỡ mẫu và phương pháp chọn mẫu.

Áp dụng công thức tính cỡ mẫu một tỷ lệ

$$n = \frac{z_{1-\frac{\alpha}{2}}^2 \times p(1-p)}{d^2} \times DE$$

Trong đó:

n: Cỡ mẫu

$\alpha$ : Chọn mức ý nghĩa thống kê 95%, có  $\alpha = 0,05$

Z: Hệ số tin cậy, với  $\alpha = 0,05$ , độ tin cậy 95%, tra bảng có Z = 1,96

p: ước tính tỷ lệ sinh viên chấp nhận tiêm vắc xin phòng ngừa COVID-19 (chọn p = 0,53 theo Tỷ lệ chấp nhận vắc xin của sinh viên ở ĐH Michigan Hoa Kỳ).

d: Sai số tuyệt đối chấp nhận (lấy d = 0,016)

DE: hệ số thiết kế, DE = 2

Vậy

$$n = \frac{1,96^2 \times 0,53 (1-0,53)}{0,016^2} \times 2 = 7476 \text{ (sinh viên)}$$

Cỡ mẫu thực tế thu được **8873 sinh viên**

# PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU



## Phương pháp chọn mẫu

Áp dụng phương pháp chọn mẫu thuận tiện



## Phương pháp thu thập số liệu

- Công cụ thu thập thông tin: Bộ câu hỏi xây dựng dựa trên NC của Nga và TQ về sự chấp nhận vắc xin và các YTLQ được dịch và thử nghiệm
- Phương pháp thu thập: Tiến hành khảo sát trực tuyến

# PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

## Biến số nghiên cứu

### **Nhóm biến số độc lập:**

- Các thông tin chung về đặc điểm dân số học của ĐTNC sẽ được thu thập bao gồm: giới tính, tuổi (dương lịch), dân tộc, tôn giáo
- Các thông tin liên quan tới cá nhân bao gồm: trường học, số năm học tập tại trường, hành vi hút thuốc lá/lào, tiền sử dị ứng, kế hoạch học lâm sàng trong năm học tới, tự nhận thức về tình trạng sức khỏe của bản thân.
- Nhận thức nguy cơ rủi ro do COVID-19 mang lại
- Mô hình niềm tin sức khỏe đối với vắc xin phòng COVID-19 bao gồm: lợi ích cảm nhận, rào cản, các yếu tố thúc đẩy.

**Nhóm biến số phụ thuộc:** Sự chấp nhận tiêm vắc xin phòng COVID-19, mức độ sẵn sàng chấp nhận.

## Cách thức đo lường:

- **Đo lường nhận thức rủi ro do COVID-19:** Những người tham gia nghiên cứu được yêu cầu đánh giá từng câu hỏi theo thang điểm Likert 5 điểm, từ 1 “rất không đồng ý” đến 5 “rất đồng ý”. Các biến sau đó được mã hóa thành 2 mức độ đồng ý; không đồng ý.
- **Đo lường các yếu tố theo mô hình niềm tin sức khỏe:** có 17 câu được sử dụng để đánh giá cảm nhận về lợi ích của vắc xin COVID-19 (3 câu hỏi), các rào cản nhận thức đối với việc chấp nhận vắc xin (10 câu hỏi) và các yếu tố thúc đẩy tiêm vắc xin (4 câu hỏi). Mỗi mục cung cấp hai tùy chọn phản hồi đơn giản hóa; 'Đồng ý' và 'Không đồng ý'.

## IV. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

# KẾT QUẢ

## 1. Thông tin chung của đối tượng

Đặc điểm	Tần số (n)	Tỷ lệ (%)
<b>Giới tính</b>		
Nam	2755	31
<b>Nữ</b>	6118	69
<b>Dân tộc</b>		
Dân tộc Kinh	7814	88,1
Dân tộc khác	1059	11,9
<b>Tôn giáo</b>		
Không theo tôn giáo	7128	80,3
Phật giáo	1015	11,4
Tôn giáo Khác	730	8,2
<b>Khu vực</b>		
Miền Bắc	1471	16,6
Miền Trung	2247	25,3
Miền Nam	5155	58,1
<b>Chuyên ngành</b>		
Y khoa	4916	55,4
Điều dưỡng	1376	15,5
Khác	2581	29,1

Bảng 1. Thông tin chung của đối tượng



# KẾT QUẢ

## Thông tin chung của đối tượng

**Bảng 1. Thông tin chung của đối tượng  
(tiếp)**

### Số năm học tại trường

Năm 1, 2	4524	51
Năm 3, 4, 5, 6	4349	49

### Tiền sử dị ứng

Có	735	8,3
Không	8138	<b>91,7</b>

### Kế hoạch lâm sàng trong năm tới

Có	6559	73,9
Không	2314	26,1

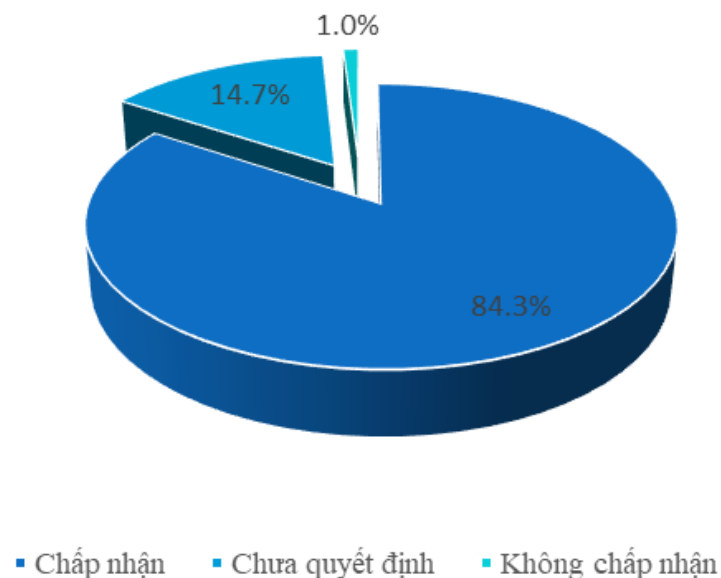
### Tình trạng sức khỏe của bản thân

Xấu	206	2,3
Bình thường	5734	<b>64,6</b>
Tốt	2933	33,1

# KẾT QUẢ

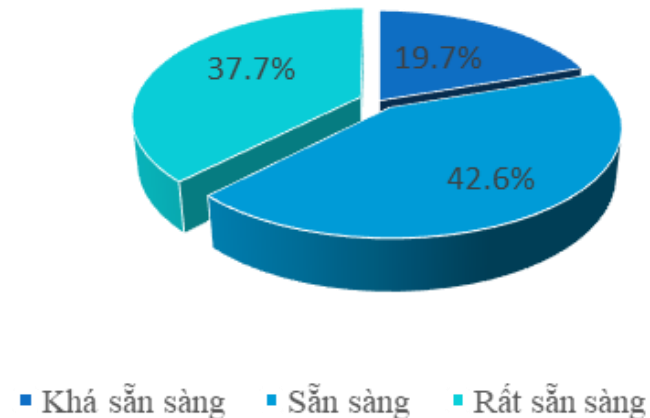
## Sự chấp nhận tiêm phòng COVID-19

Tỷ lệ chấp nhận tiêm vắc xin phòng COVID-19 của sinh viên



Biểu đồ 1. Tỷ lệ sinh viên chấp nhận tiêm vắc xin phòng COVID-19

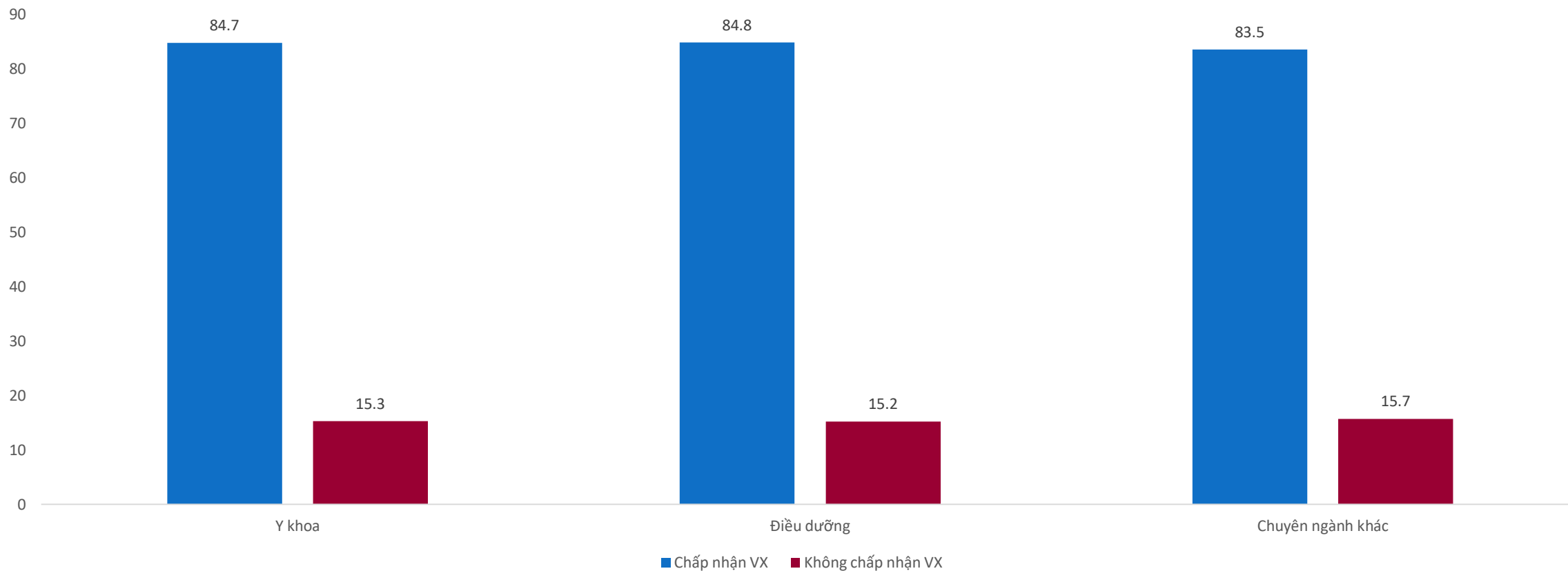
Mức độ sẵn sàng tiêm vắc xin COVID-19 của sinh viên



Biểu đồ 2. Mức độ sẵn sàng tiêm vắc xin phòng COVID-19 của sinh viên

# KẾT QUẢ

## Sự chấp nhận tiêm phòng COVID-19

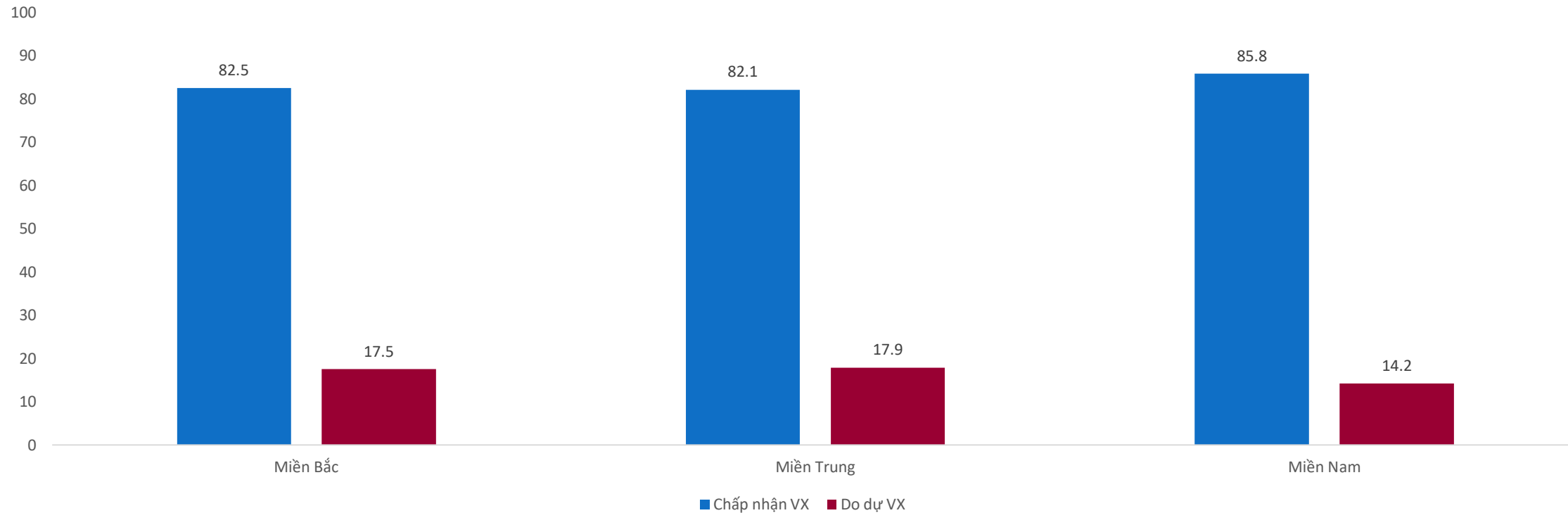


**Biểu đồ 3. Tỷ lệ chấp nhận và do dự vắc xin COVID 19 ở các chuyên ngành học**

# KẾT QUẢ

## Sự chấp nhận tiêm phòng COVID-19

Tỷ lệ chấp nhận và do dự vắc xin theo vùng miền

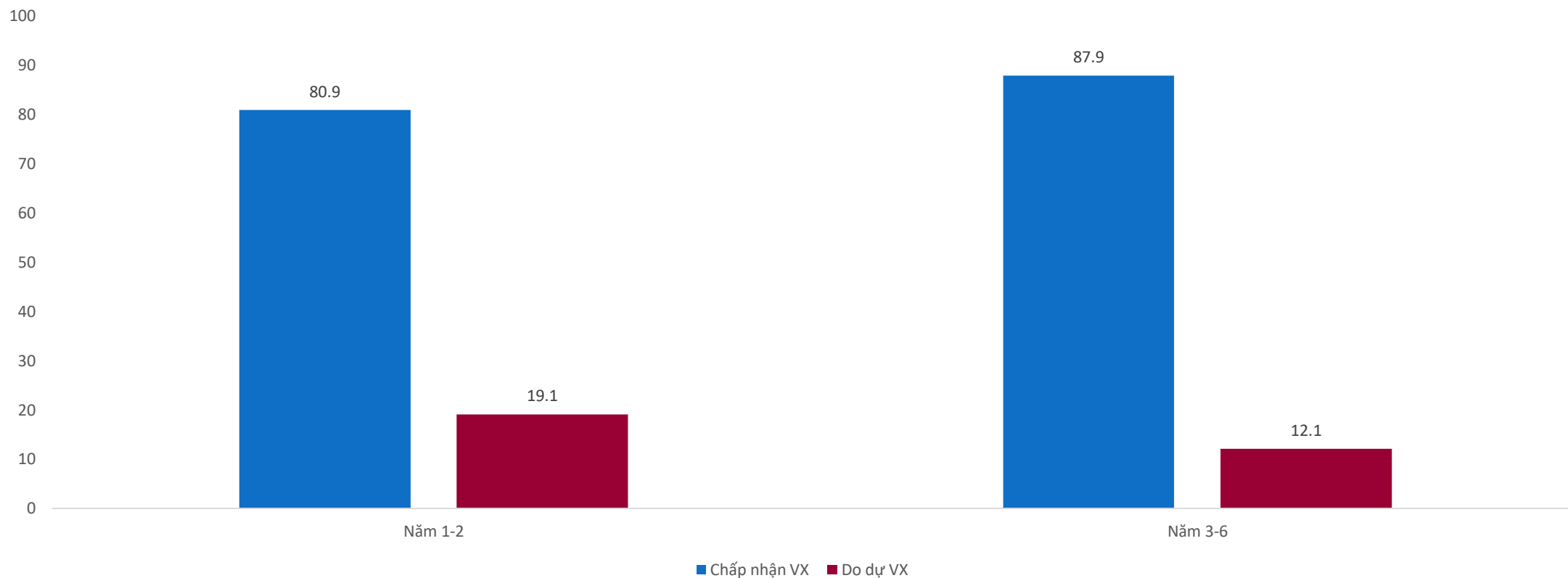


**Biểu đồ 4. Tỷ lệ chấp nhận và do dự vắc xin COVID 19 theo vùng miền**

# KẾT QUẢ

## Sự chấp nhận tiêm phòng COVID-19

Tỷ lệ chấp nhận, do dự vắc xin phòng COVID-19 của sinh viên theo số năm học tại trường



**Biểu đồ 5. Tỷ lệ chấp nhận và do dự vắc xin COVID 19 theo số năm học tại trường**

# KẾT QUẢ

Các yếu tố liên quan đến sự chấp nhận  
tiêm vắc xin COVID-19

**Bảng 2. Mối liên quan giữa nhận thức nguy  
cơ rủi ro đến sự chấp nhận tiêm vắc xin  
COVID-19**

Đặc điểm	Chấp nhận tiêm n (%)	OR*	KTC 95%	p
<b>Tính nhạy cảm</b>				
<i>Tôi rất có thể bị lây nhiễm COVID-19</i>				
Không đồng ý	3854 (80,3)	1	-	-
Đồng ý	3630 (89,1)	<b>1,81</b>	1,60 – 2,05	<b>&lt;0,001</b>
<i>Dịch bệnh COVID-19 đang rất nghiêm trọng tại nơi tôi đang sống</i>				
Không đồng ý	3549 (80,7)	1	-	-
Đồng ý	3935 (88,0)	<b>1,53</b>	1,36 – 1,73	<b>&lt;0,001</b>
<b>Mức độ nghiêm trọng</b>				
<i>Mức độ lây lan của COVID-19 là rất lớn</i>				
Không đồng ý	73 (71,6)	1	-	-
Đồng ý	7411 (84,5)	1,38	0,68 – 2,79	0,37
<i>Sự bùng phát của dịch COVID-19 là rất nghiêm trọng</i>				
Không đồng ý	72 (72,7)	1	-	-
Đồng ý	7412 (84,5)	1,21	0,58 – 2,52	0,59





# KẾT QUẢ

Các yếu tố liên quan đến sự chấp nhận  
tiêm vắc xin COVID-19

**Bảng 3. Mối liên quan giữa quan điểm về  
vắc xin COVID-19 đến sự chấp nhận tiêm  
vắc xin COVID-19**

Đặc điểm	Chấp nhận tiêm n (%)	OR*	KTC 95%	p
<b>Lợi ích của vắc xin</b>				
<i>Tiêm vắc xin phòng COVID-19 giúp giảm nguy cơ nhiễm vi rút</i>				
Không đồng ý	670 (69,2)	1	-	-
Đồng ý	6814 (86,2)	2,05	1,73 – 2,43	<0,001
<i>Tiêm vắc xin phòng COVID-19 sẽ làm giảm các biến chứng của bệnh</i>				
Không đồng ý	2166 (79,2)	1	-	-
Đồng ý	5318 (86,6)	1,29	1,13 – 1,48	<0,001
<i>Vắc xin phòng COVID-19 sẽ giúp cung cấp khả năng miễn dịch lâu dài</i>				
Không đồng ý	2582 (78)	1	-	-
Đồng ý	4902 (88,1)	1,73	1,52 – 1,98	<0,001

# KẾT QUẢ

Các yếu tố liên quan đến sự chấp nhận  
tiêm vắc xin COVID-19

**Bảng 3. Mối liên quan giữa quan điểm về  
vắc xin COVID-19 đến sự chấp nhận tiêm  
vắc xin COVID-19 (tiếp)**

Đặc điểm	Chấp nhận tiêm n (%)	OR*	KTC 95%	p
<b>Rào cản của tiêm vắc xin</b>				
<i>Lo ngại về tác dụng phụ sau tiêm (VD: sốt, đau mỏi cơ, đau vùng tiêm)</i>				
Không đồng ý	2100 (90)	<b>1,48</b>	1,24 – 1,78-	<b>&lt;0,001</b>
Đồng ý	5384 (82,3)	1	-	
<i>Lo ngại về các tác dụng phụ nghiêm trọng xảy ra sau tiêm (VD: sốc phản vệ)</i>				
Không đồng ý	1013 (90,7)	1,01	0,78 – 1,33	0,922
Đồng ý	6471 (83,4)	1	-	-
<i>Lo ngại về các tác dụng phụ lâu dài sau khi tiêm (viêm cơ tim, tự kỷ...)</i>				
Không đồng ý	2576 (89,5)	<b>1,46</b>	1,23 – 1,73	<b>&lt;0,001</b>
Đồng ý	4908 (81,9)	1	-	-

# KẾT QUẢ

Các yếu tố liên quan đến sự chấp nhận  
tiêm vắc xin COVID-19

Đặc điểm	Chấp nhận tiêm n (%)	OR*	KTC 95%	p
<b>Rào cản của tiêm vắc xin</b>				
<i>Lo ngại về tính an toàn và hiệu quả của vắc xin chưa được chứng minh</i>				
Không đồng ý	2628 (90,2)	<b>1,59</b>	1,35 – 1,87	<b>&lt;0,001</b>
Đồng ý	4856 (81,5)	1	-	-
<i>Mối đe dọa của COVID-19 đã được phóng đại hơn bình thường</i>				
Không đồng ý	6476 (84,8)	0,96	0,79 – 1,17	0,701
Đồng ý	1008 (81,4)	1	-	-
<i>Sợ tiêm</i>				
Không đồng ý	6387 (86,7)	<b>2,01</b>	1,73 – 2,33	<b>&lt;0,001</b>
Đồng ý	1097 (72,9)	1	-	-

**Bảng 3. Mối liên quan giữa quan điểm về  
vắc xin COVID-19 đến sự chấp nhận tiêm  
vắc xin COVID-19 (tiếp)**

# KẾT QUẢ

Các yếu tố liên quan đến sự  
chấp nhận tiêm vắc xin COVID-19

Đặc điểm	Chấp nhận tiêm n (%)	OR*	KTC 95%	p
<b>Các yếu tố thúc đẩy tiêm vắc xin</b>				
<i>Sẽ tiêm vắc xin nếu tính an toàn và hiệu quả được kiểm chứng</i>				
Không đồng ý	549 (80,5)	1	-	-
Đồng ý	6935 (84,7)	1,04	0,83 – 1,31	0,729
<i>Sẽ tiêm vắc xin khi vắc xin được nhiều người tiêm</i>				
Không đồng ý	3580 (81,5)	1	-	-
Đồng ý	3904 (87,1)	<b>1,26</b>	1,09 – 1,45	<b>0,002</b>
<i>Sẽ tiêm vắc xin khi trường yêu cầu</i>				
Không đồng ý	2140 (73,7)	1	-	-
Đồng ý	5344 (89,5)	<b>2,79</b>	2,42 - 3,21	<b>&lt;0,001</b>

**Bảng 3. Mối liên quan giữa quan điểm về  
vắc xin COVID-19 đến sự chấp nhận tiêm  
vắc xin COVID-19 (tiếp)**

# KẾT QUẢ

Các yếu tố liên quan đến sự chấp nhận tiêm vắc xin COVID-19

**Bảng 4. *Mối liên quan các yếu tố cá nhân đến sự chấp nhận tiêm vắc xin COVID-19***

Đặc điểm	Chấp nhận tiêm n (%)	OR*	KTC 95%	p
Chuyên ngành				
Y khoa	4162 (84,7)	1,1	0,9-1,3	0,3
Điều dưỡng	514 (78,8)	1	0,8-1,1	0,7
CN khác	2808 (85)	1		
Số năm học tại trường				
Năm 1, 2	3662 (80,9)	1	-	-
Năm 3, 4, 5, 6	3822 (87,9)	<b>1,70</b>	1,49 – 1,93	<b>&lt;0,001</b>
Tiền sử dị ứng				
Có	564 (76,7)	1	-	-
Không	6920 (85)	<b>1,93</b>	1,59 – 2,33	<b>&lt;0,001</b>
Học lâm sàng trong năm tới				
Không	1859 (80,3)	1	-	-
Có	5625 (85,8)	<b>1,19</b>	1,04 – 1,38	<b>0,013</b>
Tự đánh giá tình trạng sức khỏe bản thân				
Xấu	139 (67,5)	1	-	-
Bình thường	4728 (82,5)	2,26	1,66 – 3,08	<b>&lt;0,001</b>

# KẾT LUẬN – KHUYẾN NGHỊ

## ❖ KẾT LUẬN

- 84,3% sinh viên khối ngành sức khỏe tham gia vào nghiên cứu chấp nhận tiêm vắc xin phòng ngừa COVID-19. Trong đó: 42,6% sinh viên báo cáo ở mức độ sẵn sàng, 19,7% khá sẵn sàng và 37,7% rất sẵn sàng tiêm chủng. Chỉ có 1% sinh viên khối ngành sức khỏe không đồng ý tiêm phòng và 14,7% chưa đưa ra quyết định tiêm phòng tại thời điểm tiến hành khảo sát.
- Các yếu tố liên quan đến chấp nhận vắc xin COVID-19 của sinh viên bao gồm: số năm học tại trường, tình trạng sức khỏe, tiền sử dị ứng, nhận thức nguy cơ rủi ro đối với COVID-19 và các yếu tố thuộc mô hình niềm tin sức khỏe gồm nhận thức lợi ích vắc xin, các yếu tố thúc đẩy làm tăng sự chấp nhận vắc xin ( $p < 0,001$ ). Ngược lại những nhận thức về rào cản của vắc xin sẽ làm giảm sự chấp nhận vắc xin ( $p < 0,001$ )



# KẾT LUẬN – KHUYẾN NGHỊ

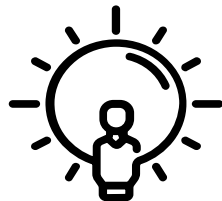
## ❖ KHUYẾN NGHỊ

1st



Các chiến lược truyền thông tiêm chủng cần nhấn mạnh, làm rõ và đưa ra các bằng chứng xác thực về hiệu quả cũng như tính an toàn của các loại vắc xin COVID-19.

2nd



Cần triển khai thêm nghiên cứu tương tự trên các nhóm sinh viên thuộc khối ngành học khác nhau.

3rd



Cần tiến hành thêm nghiên cứu tiếp theo dựa trên kết quả của nghiên cứu này để tìm hiểu sự khác biệt giữa tỷ lệ tiêm chủng thực tế với tỷ lệ dự định tiêm được báo cáo trước đó.

